

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 30-8-2019  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Hà Thế Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:*

ông Lê Văn Bình

bà Phạm Ngọc Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 60/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Danh Thị Thanh T, sinh năm: 1988; nghề nghiệp: thợ may; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 7, ấp Đ, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: đường số 4, tổ 2, ấp S, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

2. *Bị đơn:* anh Hoàng Trọng M, sinh năm: 1983; nghề nghiệp: làm thuê; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: tổ 7, ấp Đ, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; nơi làm việc: Trạm cân điện tử G, số 02 đường H, phường XB, TP. L, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Danh Thị Thanh T trình bày: trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu chị và anh M đã tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào năm 2010, đây là hôn nhân đầu tiên của cả hai người. Trong thời gian chung sống anh M thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, không lo làm ăn, ham mê cờ bạc, nhiều lúc sinh ra nợ nần đến mức phải bán đồ dùng gia đình để trả nợ; khi chị khuyên ngăn thì anh M lại dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm chị; đến năm 2016 chị nhận

thấy không thể tiếp tục chung sống với anh M nên đã đưa con về nhà mẹ ruột và vợ chồng ly thân đến nay. Năm 2017 chị cũng đã nộp đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, sau đó rút yêu cầu với hi vọng anh M có thể nhận ra lý do chị xin ly hôn xuất phát từ thói quen ăn chơi, không lo làm ăn của anh và thay đổi cách sống để vợ chồng có thể hàn gắn; tuy nhiên sau khi rút yêu cầu chị nhận thấy anh M không những không thay đổi mà lại có suy nghĩ là do chị có tình cảm với người đàn ông khác nên mới mong muốn được ly hôn. Nay chị thấy rằng hôn nhân không hạnh phúc, thời gian ly thân đến nay đã lâu, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh M.

Vợ chồng có một con chung là cháu Hoàng Trọng N, sinh ngày: 10/10/2011; từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu N sống cùng với mẹ nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn (anh Hoàng Trọng M) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần để làm việc, hòa giải nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến của anh M đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tâm.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về quan hệ hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cả 02 phiên tòa nên xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp. Về áp dụng pháp luật đề nghị áp dụng Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) và Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T ly hôn anh M; về con chung: giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không xem xét; về án phí: chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Danh Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề về ly hôn và giao quyền nuôi con chưa thành niên nên xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị T là nguyên đơn, anh M là bị đơn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Bị đơn (anh Hoàng Trọng M) đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Danh Thị Thanh T và anh Hoàng Trọng M tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 24/11/2010, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T nhận thấy: Theo trình bày của chị T cho thấy sau khi cưới vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không mấy hạnh phúc nên từ 2016 chị bỏ về nhà nhà mẹ ruột và vợ chồng ly thân đến nay; đến tháng 02/2017 chị nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để anh M có thể hiểu được nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh M thiếu trách nhiệm với gia đình và sau đó chị rút yêu cầu với hi vọng anh M có thể thay đổi bản thân để vợ chồng có thể hàn gắn tình cảm, cùng nhau nuôi dạy con cái; tuy nhiên anh M vẫn không hiểu mà còn cho rằng chị đã có tình cảm với người khác nên vợ chồng không thể đoàn tụ. Mặc dù quá trình giải quyết vụ án Tòa án không thu thập được lời khai của anh M để xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nhưng căn cứ vào biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã X và Công an xã X cho thấy: vợ chồng chị T và anh M đã sống ly thân từ khoảng năm 2016 đến nay, anh M vẫn sinh sống ở ấp Đ, còn chị T và con thì sống cùng cha mẹ đẻ của chị ở ấp S, xã X, điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai người đã thật sự trầm trọng; mặt khác, anh M cũng đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và được triệu tập làm việc, hòa giải nhiều lần nhưng đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án bất cứ một văn bản nào ghi ý kiến của mình, thể hiện bản thân anh M cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy: có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh M.

[3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: từ thời điểm vợ chồng ly thân đến nay cháu Hoàng Trọng N sống cùng mẹ; khi ly hôn thì chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N và bản thân cháu cũng mong muốn được ở với mẹ nên HĐXX quyết định giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu nên tạm thời anh M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Danh Thị Thanh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận. Riêng đối với đề nghị áp dụng pháp luật thì không chấp nhận, bởi lẽ: tuy hôn nhân giữa chị T và anh M xác lập vào thời điểm Luật HN&GD năm 2000 đang có hiệu lực nhưng thời điểm chị T yêu cầu ly hôn là thời điểm Luật HN&GD 2014 đã có hiệu lực pháp luật nên việc VKS đề nghị áp dụng pháp luật HN&GD năm 2000 để giải quyết yêu cầu ly hôn là không phù hợp.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật HN&GD; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Danh Thị Thanh T được ly hôn anh Hoàng Trọng M.

2. Về con chung: giao cháu Hoàng Trọng N, sinh ngày: 10/10/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: chị Danh Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số 004284 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng bị đơn vắng mặt nên thời hạn 15 ngày kháng cáo được tính từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký tên và đóng dấu)

**Hà Thế Nam**